

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 96/TTr-STP ngày 07 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí chi cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (sau đây gọi chung là văn bản), bao gồm:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp.
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

3. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

Căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của mỗi hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính; cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

- a) Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, tập hợp, rà soát đánh giá văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;



b) Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản, lập đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản;

c) Dịch, hiệu đính tài liệu, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và ngược lại;

d) Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của văn bản;

e) Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia (*trong trường hợp cần thiết*);

f) Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, văn bản góp ý;

g) Chinh lý, hoàn thiện các loại đề cương, báo cáo, dự thảo văn bản;

h) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

Định mức chi có tính chất đặc thù, được bảo đảm từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được quy định cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản				
1	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	đồng/đề cương	950.000	750.000	550.000
2	Văn bản bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung	đồng/đề cương	650.000	500.000	400.000
II	Chi soạn thảo văn bản				
1	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	đồng/dự thảo văn bản	3.200.000	2.500.000	2.000.000
2	Văn bản bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điều	đồng/dự thảo văn bản	2.700.000	2.000.000	1.600.000
III	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản				
1	Báo cáo tổng hợp ý kiến; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý				
	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế				
	- Báo cáo tổng hợp ý kiến	đồng/báo cáo	250.000	200.000	150.000
	- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	đồng/báo cáo	350.000	300.000	250.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Vấn bản bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung				
	- Báo cáo tổng hợp ý kiến	đồng/báo cáo	150.000	120.000	100.000
	- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	đồng/báo cáo	250.000	200.000	150.000
2	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo				
	Đối với dự thảo Nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, Quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	đồng/báo cáo	350.000	300.000	250.000
	Đối với văn bản bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung	đồng/báo cáo	200.000	150.000	100.000
3	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật				
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề	đồng/báo cáo	5.000.000	3.000.000	2.000.000
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất	đồng/báo cáo	3.000.000	2.000.000	1.000.000
	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình UBND cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp	đồng/báo cáo	3.400.000	-	-
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do UBND cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp	đồng/báo cáo	1.700.000	1.700.000	-
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do UBND cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp	đồng/báo cáo	-	900.000	900.000
IV	Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản				
1	Văn bản góp ý	đồng/văn bản	250.000	200.000	150.000
2	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra	đồng/báo cáo	500.000	400.000	300.000

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
V	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, Tờ trình văn bản, dự thảo văn bản	đồng/lần chỉnh lý	200.000	150.000	100.000
VI	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo				
1	Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật				
	- Chủ trì	đồng/người/cuộc họp	150.000	120.000	100.000
	- Các thành viên tham dự	đồng/người/cuộc họp	100.000	80.000	60.000
	- Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	đồng/văn bản	200.000	150.000	100.000
2	Tham dự cuộc họp báo công bố các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành:				
	- Người chủ trì cuộc họp	đồng/người/cuộc họp	150.000	120.000	100.000
	- Các thành viên tham dự	đồng/người/cuộc họp	70.000	50.000	50.000

5. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

a) Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

Loại văn bản	Cấp ban hành	Định mức phân bổ (đồng/văn bản)
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	10.000.000
	Cấp huyện	8.000.000
	Cấp xã	6.000.000
Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung	Cấp tỉnh	8.000.000
	Cấp huyện	6.400.000
	Cấp xã	4.800.000

b) Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được

giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc: Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ tư pháp (để kiểm tra);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội;
- Đại biểu HĐND tỉnh (để giám sát);
- Các Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra, rà soát);
- Báo BL, Đài PTTH tỉnh BL;
- Giám đốc TT CB - TH tỉnh;
- Trung tâm CB - TH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, DT (QĐUB09).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Minh Chiến